

QUYẾT ĐỊNH

Giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đối với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Văn phòng Đảng ủy xã, Văn phòng HĐND - UBND xã, Phòng Văn hoá - xã hội xã và Chi bộ thôn Công Bồi.

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng Sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định 21-QĐ/TW, ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Đảng ủy xã Tây Tiền Hải kỳ 2025 - 2030;
- Căn cứ Chương trình kiểm tra, giám sát năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã.

BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đối với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Văn phòng Đảng ủy xã, Văn phòng HĐND - UBND xã, Phòng Văn hoá - xã hội xã và Chi bộ thôn Công Bồi.

Điều 2. Thành lập Đoàn giám sát của Đảng ủy gồm các đồng chí có tên sau:

1.	Đ/c Dương Văn Quyền	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	Trưởng đoàn
2.	Đ/c Tô Đình Thuyên	TVĐU- Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy	Phó trưởng đoàn
3.	Đ/c Đoàn Thị Quế	ĐUV - Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy	Ủy viên
4.	Đ/c Nguyễn Văn Nghị	ĐUV- Phó Ban xây dựng Đảng	Ủy viên
5.	Đ/c Nguyễn Thị Huyền	Phó Chủ tịch MTTQ, Chủ tịch Hội LHPN xã	Ủy viên
6.	Đ/c Bùi Quang Thắng	Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy xã	Thư ký đoàn
7.	Đ/c Phạm Văn Thiệu	Ủy viên UBKT Đảng ủy xã	Ủy viên
8.	Đ/c Nguyễn Thị Hạnh	Ủy viên UBKT Đảng ủy xã	Ủy viên
9.	Đ/c Phạm Thị Hương	Ủy viên UBKT Đảng ủy xã	Ủy viên

Điều 3. Mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian và phương pháp tiến hành được xác định cụ thể trong Kế hoạch giám sát (*ban hành kèm theo Quyết định này*).

Điều 4. Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Văn phòng Đảng ủy xã, Phòng Văn hóa - xã hội xã, Văn phòng HĐND - UBND xã, Chi bộ thôn Công Bồi. Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBKT Tỉnh Ủy (báo cáo);
- Như điều 4;
- Lưu VPĐU Đảng ủy, Hồ sơ giám sát.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Tô Quý Bôn



KẾ HOẠCH

Giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia Đối với UBMTTQ Việt Nam xã, Văn phòng Đảng uỷ xã, Văn phòng HĐND - UBND xã, Phòng Văn hoá - xã hội, Chi bộ thôn Công Bồi.

(kèm theo Quyết định số 236-QĐ/ĐU, ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ)

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Qua giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đối với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Văn phòng Đảng uỷ xã, Văn phòng HĐND - UBND xã, Phòng Văn hoá - xã hội xã và Chi bộ thôn Công Bồi.

Đánh giá ưu điểm, kết quả đạt được để tiếp tục phát huy, đồng thời chỉ ra những hạn chế, tồn tại, để sửa chữa, khắc phục. Qua đó nâng cao tinh thần, vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng quy định, hạn chế khuyết điểm.

Các cơ quan, chi bộ được giám sát chuẩn bị báo cáo theo đề cương của Đoàn giám sát; cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, làm việc với Đoàn giám sát đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn giám sát hoàn thành nhiệm vụ.

2. Yêu cầu:

- Việc giám sát bảo đảm dân chủ, khách quan, công tâm, thận trọng, chặt chẽ, chính xác, nghiêm minh; tuân thủ đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục, thẩm quyền, phương pháp công tác theo quy định của Đảng; nêu cao ý thức tự phê bình và phê bình của tổ chức đảng và đảng viên.

- UBKT Đảng uỷ tham mưu, xây dựng kế hoạch giám sát, giúp Đảng uỷ triển khai cuộc giám sát theo chương trình kiểm tra, giám sát năm 2026. Xây dựng báo cáo kết quả giám sát và thông báo kết luận cuộc giám sát theo quy định.

- Đoàn giám sát nghiêm túc thực hiện cuộc giám sát đảm bảo đúng nguyên tắc, quy trình, theo quy định của Điều lệ Đảng.

- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Văn phòng Đảng uỷ xã, Văn phòng HĐND - UBND xã, Phòng Văn hoá - xã hội xã, Chi bộ thôn Công Bồi căn cứ vào Quyết định và Kế hoạch này tổ chức thực hiện đảm bảo đúng tiến độ.

II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, LỰC LƯỢNG, THỜI GIAN, THỜI ĐIỂM, CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH.

1. Nội dung giám sát

Giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đối với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Văn phòng Đảng ủy xã, Văn phòng HĐND - UBND xã, Phòng Văn hoá - xã hội xã.

2. Đối tượng, lực lượng, thời điểm, thời gian, địa điểm giám sát

a. Đối tượng giám sát:

- Đơn vị giám sát: Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Văn phòng Đảng ủy xã, Văn phòng HĐND - UBND xã, Phòng Văn hoá - xã hội xã, Chi bộ thôn Công Bồi.

b. Lực lượng giám sát:

- Đảng ủy thành lập Đoàn giám sát gồm các đồng chí: Thường trực Đảng ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Đảng ủy viên; đại diện lãnh đạo Ban xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy, Ủy ban MTTQ xã, Ủy viên UBKT Đảng ủy.

Trưởng đoàn: Đồng chí Dương Văn Quyền - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy.

Phó Trưởng đoàn: Đồng chí Tô Đình Thuyên - Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy.

c. Thời điểm giám sát:

- Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/9/2026.

d. Thời gian thực hiện: Tháng 9/2026.

e. Địa điểm kiểm tra: Tại trụ sở Đảng ủy, Trụ sở UBND xã, Hội trường thôn Công Bồi.

Đoàn giám sát của Đảng ủy đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Văn phòng Đảng ủy xã, Văn phòng HĐND - UBND xã, Phòng Văn hoá - xã hội xã, Chi bộ thôn Công Bồi chuẩn bị báo cáo tự giám sát và các tài liệu có liên quan gửi về Đoàn giám sát (***gửi 09 bộ qua Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy trước ngày 24 tháng 9 năm 2026***); đồng thời bố trí thời gian, địa điểm, thành phần về làm việc với Đoàn giám sát (*có thông báo Lịch giám sát cụ thể gửi sau*).

3. Phương pháp tiến hành và thời gian thực hiện các bước

- Thường trực Đảng ủy, Đoàn giám sát tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai quyết định, kế hoạch, giám sát đối với 4 phòng ban, cơ quan và 1 chi bộ được giám sát; Đoàn giám sát hướng dẫn viết báo cáo theo đề cương, thống nhất thời gian tiến hành giám sát; phân công trách nhiệm cho các thành viên trong Đoàn giám sát.

- Đối tượng giám sát chuẩn bị báo cáo tự giám sát và các tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát để làm việc với Đoàn giám sát.

- Đoàn giám sát tổ chức hội nghị với các phòng ban và chi bộ được giám sát nghe báo cáo kết quả tự giám sát, thu thập các tài liệu có liên quan.

- Đoàn giám sát tổng hợp xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát, tổ chức hội nghị thông qua đơn vị được giám sát, để thảo luận tham gia ý kiến, những nội dung cần làm rõ và các đề xuất kiến nghị (*nếu có*). Đoàn giám sát tiếp tục giám sát cần thiết, tu chỉnh, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát xây dựng dự thảo thông báo kết luận giám sát trình Ban Thường vụ Đảng uỷ xem xét kết luận cuộc giám sát.

- Ban Thường vụ Đảng uỷ thông báo kết luận cuộc giám sát, giao Đoàn giám sát tổ chức hội nghị thông báo tới các phòng ban và chi bộ được giám sát để thực hiện.

- Hợp Đoàn giám sát rút kinh nghiệm, lập và lưu trữ Hồ sơ cuộc giám sát.

Trong quá trình thực hiện yêu cầu các đồng chí trong Đoàn giám sát và các đơn vị được giám sát tổ chức, thực hiện nghiêm túc. Kế hoạch này có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

T/M BAN THƯỜNG VỤ



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Phục vụ Đoàn giám sát theo Quyết định số 236-QĐ/ĐU, ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Khái quát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; những lĩnh vực, nhiệm vụ có liên quan trực tiếp đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Những thuận lợi, khó khăn đặc thù tại địa phương ảnh hưởng đến công tác chuyển đổi số (*hạ tầng, trình độ công nghệ của cán bộ.....*).

Yêu cầu: Báo cáo ngắn gọn, chỉ tập trung vào những yếu tố có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; không sao chép báo cáo tổ chức, cán bộ hoặc tình hình chung. Những khó khăn, điểm nghẽn phải xác định rõ nội dung, mức độ ảnh hưởng và phạm vi trách nhiệm.

II. CÔNG TÁC QUÁN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, nghị quyết, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo: Việc cụ thể hóa Nghị quyết 57-NQ/TW và chỉ đạo của cấp trên thành nghị quyết, kế hoạch, nhiệm vụ về xây dựng, quản lý, số hóa và khai thác dữ liệu; xác định rõ nội dung, tiến độ, sản phẩm và trách nhiệm thực hiện.

- Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện.

- Phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

1. Về hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định, kế hoạch, hướng dẫn phục vụ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và chuyển đổi số.

- Vai trò nêu gương, chấp hành, học tập, quán triệt và triển khai các chủ trương của Đảng đối với các đồng chí thủ trưởng các phòng, ban cơ quan và Bí thư chi bộ trong học tập Nghị quyết số 57-NQ/TW ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Việc ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch, chương trình, văn bản chuyên đề về chuyển đổi số, số hóa và đổi mới sáng tạo: Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Văn phòng Đảng uỷ xã, Văn phòng HĐND - UBND xã, Phòng Văn hoá - xã hội xã và chi bộ thôn Công Bồi đã cụ thể hóa chủ trương, mục tiêu của cấp trên thành nhiệm vụ, chỉ tiêu, sản phẩm, tiến độ và trách nhiệm cụ thể của tập thể, bộ phận, chi ủy, cán bộ, đảng viên như thế nào? Có xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá, người chủ trì, người phối hợp và kết quả cần đạt hay chưa?

2. Về phát triển hạ tầng số (đối với cơ quan)

- Trang bị, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin như (*máy mật, máy tính nối mạng.....*)

- Hệ thống mạng nội bộ, kết nối internet, thiết bị đầu cuối, thiết bị phục vụ số hóa dữ liệu.

- Trang bị chữ ký số và các thiết bị bảo đảm an toàn thông tin, hòm thư công vụ.

3. Về phát triển nền tảng số (đối với cơ quan)

- Triển khai, khai thác, sử dụng các nền tảng số, phần mềm dùng chung.

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hợp không giấy tờ, các phần mềm nghiệp vụ.

4. Về phát triển dữ liệu số dùng chung, số hóa hồ sơ, tài liệu (đối với cơ quan)

- Xây dựng, quản lý dữ liệu: Rà soát, phân loại, chuẩn hóa và cập nhật các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, thống nhất, kịp thời, hạn chế trùng lặp, phân tán; thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu theo thẩm quyền.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu: Rà soát, phân loại, chỉnh lý và số hóa hồ sơ, tài liệu theo danh mục, thứ tự ưu tiên; bảo đảm đầy đủ, chính xác, có cấu trúc, dễ tra cứu và gắn với hồ sơ gốc; thực hiện kiểm tra chất lượng và cập nhật hồ sơ phát sinh.

- Khai thác, sử dụng: Mức độ sử dụng dữ liệu và hồ sơ số trong tham mưu, quản lý, điều hành, báo cáo, kiểm tra, giám sát và giải quyết công việc; xác định những quy trình đã chuyển từ khai thác hồ sơ giấy sang khai thác dữ liệu số.

- Kết quả, hiệu quả: Đánh giá không chỉ theo tỷ lệ hồ sơ được số hóa, mà theo chuỗi: Đã số hóa, đã chuẩn hóa, đã đưa vào hệ thống, đã cập nhật, có khai thác được không, tạo hiệu quả ra sao; làm rõ sản phẩm, tỷ lệ hoàn thành, mức độ khai thác và những kết quả cụ thể như giảm thời gian xử lý, giảm giấy tờ, nâng cao chất lượng tham mưu, quản lý và điều hành.

5. Về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu (đối với cơ quan)

- Quản lý, sử dụng thiết bị bảo mật, chữ ký số.

- Công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin.

- An toàn, bảo mật: Việc phân quyền truy cập, quản lý tài khoản, sao lưu, bảo quản và bảo vệ dữ liệu; chấp hành quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước.

6. Về phát triển nguồn nhân lực số

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số.
- Kết quả nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức, người lao động.

7. Về nguồn lực tài chính

- Kinh phí được bố trí, sử dụng cho nhiệm vụ chuyển đổi số.
- Hiệu quả sử dụng nguồn lực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư, mua sắm, khai thác hạ tầng số.

Công tác lãnh đạo của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Văn phòng Đảng ủy xã, Văn phòng HĐND - UBND xã, Phòng Văn hoá - xã hội xã và chi bộ thôn Công Bôi vận động, bố trí nguồn lực cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

8. Đánh giá trách nhiệm của cá nhân và người đứng đầu

- Đối với từng nhiệm vụ trọng tâm, làm rõ cá nhân chủ trì hoặc phối hợp, thời hạn, sản phẩm phải hoàn thành, kết quả thực tế và mức độ hoàn thành; đánh giá trên cơ sở kết quả, chất lượng và giá trị của sản phẩm, không chỉ căn cứ vào mức độ tham gia hoặc số lượng hoạt động.

- Đánh giá sự gắn kết giữa kết quả của cá nhân, bộ phận với kết quả chung của cơ quan, đơn vị; xác định những nhiệm vụ chưa có người chịu trách nhiệm cụ thể, phân công chưa phù hợp hoặc cá nhân hoàn thành phần việc nhưng chưa tạo được kết quả chung.

- Đối với người đứng đầu, làm rõ trách nhiệm trong xác định nhiệm vụ, phân công, bố trí nguồn lực, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn và xử lý nhiệm vụ chậm tiến độ hoặc không đạt yêu cầu.

9. Đánh giá tiến độ, KPI, sản phẩm và kết quả đầu ra

- Đối chiếu nhiệm vụ được giao với mục tiêu, chỉ tiêu hoặc KPI, tiến độ, sản phẩm và kết quả thực tế; phân loại rõ nhiệm vụ hoàn thành, hoàn thành vượt yêu cầu, đang thực hiện đúng tiến độ, chậm tiến độ, chưa thực hiện hoặc hoàn thành nhưng chưa đạt yêu cầu.

- Phân biệt rõ giữa đã triển khai, đã hoàn thành, đã tạo ra sản phẩm, đã đưa vào sử dụng và đã phát huy hiệu quả; đối với nhiệm vụ chưa đạt yêu cầu phải xác định mức độ thực hiện, nguyên nhân, trách nhiệm và thời gian dự kiến hoàn thành.

Báo cáo phải tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm, có sản phẩm và kết quả cụ thể; xác định rõ cơ quan, bộ phận và cá nhân chịu trách nhiệm. KPI chỉ áp dụng đối với nhiệm vụ phù hợp để lượng hóa, phải có căn cứ và khả năng kiểm chứng; không đồng nhất việc ban hành văn bản, tổ chức hội nghị, tập huấn, mua sắm thiết bị, triển khai phần mềm hoặc số hóa dữ liệu với việc hoàn thành nhiệm vụ và phát huy hiệu quả.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ, GIẢI PHÁP

1. Ưu điểm nổi bật khi thực hiện NQ 57.

2. Tồn tại, hạn chế.

3. Khó khăn, vướng mắc trong khi thực hiện NQ 57.

4. Nguyên nhân:

- Chủ quan:

- Khách quan:

5. Nhiệm vụ giải pháp trong quý IV năm 2026 và những năm tiếp theo.

6. Tự đánh giá phân loại khi thực hiện: *Hoàn thành xuất sắc/Hoàn thành tốt/Hoàn thành/Chưa hoàn thành.*

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị, đề xuất với cấp uỷ Đảng, chính quyền

- Kiến nghị đối với cấp trên về hạ tầng, trang thiết bị, tập huấn nghiệp vụ.

Trên đây là đề cương hướng dẫn viết báo cáo công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đối với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Văn phòng Đảng uỷ xã, Văn phòng HĐND - UBND xã, Phòng Văn hoá - xã hội xã và Chi bộ thôn Công Bôi gửi báo cáo về Đoàn giám sát qua UBKT Đảng uỷ đúng theo thời gian quy định.

Nơi nhận:

- Đoàn GS UBKT Đảng uỷ (để báo cáo);
- Lưu chi bộ (cơ quan).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƠN VỊ

(hoặc) T/M CHI BỘ

(Ký ghi rõ họ tên)